TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 01 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024; về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số330/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Sà R, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp Q, xã E, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Sơn D, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp U, xã O, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/07/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trần Thị Sà R trình bày: Nguyên năm 2012, bà Trần Thị Sà R với ông Sơn D xác lập quan hệ hôn nhân, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn và được UBND xã O, huyện W, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 03/03/2015. Trong quá trình chung sống ông bà có một con chung là cháu Sơn Thị Hồng G, sinh ngày 28/06/2015 (theo Giấy khai sinh số 211 ngày 24/07/2015), hiện cháu Sơn Thị Hồng G sống với bà Trần

Thị Sà R; không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người khác nợ vợ chồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường cải vả, phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cả hai không có tiếng nói chung nên đã không còn chung sống vợ chồng.

Nay bà Trần Thị Sà R nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Sà R xin được ly hôn với ông Sơn D.

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Sơn Thị Hồng G, sinh ngày 28/06/2015 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); bà Trần Thị Sà R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Sơn D: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 219/2024/TB-TLVA ngày 07/10/2024 và Thông báo (Về việc yêu cầu đương sự tự khai và cung cấp chứng cứ) số 180/2024/TB-TA ngày 07/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng (nhận ngày 08/10/2024) nên ông Sơn D đã biết nội dung, căn cứ khởi kiện và những vấn đề bà Trần Thị Sà R yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng ông Sơn D không có văn bản trả lời theo Tòa án ấn định. Đồng thời, Tòa án đã thông báo và triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không tham gia và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt và không có ý kiến khác nên xem như giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] <u>Về tố tụng</u>:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Trần Thị Sà R yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với ông Sơn D; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Sơn Thị Hồng G, sinh ngày 28/06/2015 đến trưởng thành (tròn 18 tuổi); bà Trần Thị Sà R không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung và người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi

thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Sơn D cư trú tại ấp U, xã O, huyện W, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoạc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Toà án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị Sà R có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Sơn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] <u>Về nội dung</u>:

[1] Nguyên đơn Trần Thị Sà R và bị đơn Sơn D kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được UBND xã O, huyện W, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 03/03/2015, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Sà R với ông Sơn D là hợp pháp. Sau khi kết bà Trần Thị Sà R và ông Sơn D chung sống hạnh phúc và đã có một con chung là cháu Sơn Thị Hồng G, sinh ngày 28/06/2015, theo bà Trần Thị Sà R trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay. Bị đơn Sơn D tuy không có ý kiến và không tham gia tố tụng nhưng biết về nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Sà R mà không phản đối.

[2] Theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình "*Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn...; Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình...*" và theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn*". Do đó, tự bà Trần Thị Sà R hoặc bà Trần Thị Sà R cùng ông Sơn D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên ngày 29/07/2024 bà Trần Thị Sà R tự mình gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Sơn D là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn Trần Thị Sà R trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn và bất hòa trong cuộc sống nên đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 02 năm 2024 cho đến nay, thời gian bà Trần Thị Sà R với ông Sơn D phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống tính đến thời điểm khởi kiện và xét xử sơ thẩm là đã nhiều tháng, nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, đến mức trầm trọng, làm cho cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được, tình cảm vợ chồng thật sự đã hết và về tương lai cũng không thể hàn gắn được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các bên và đến việc nuôi dạy con cái; nay bà Trần Thị Sà R cương

quyết ly hôn với ông Sơn D. Do đó, theo bà Trần Thị Sà R yêu cầu xin được ly hôn với ông Sơn D là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Xét thấy, cháu Sơn Thị Hồng G, sinh ngày 28/06/2015 tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Sơn Thị Hồng G trên 07 tuổi nên quyết định giao cháu cho ai trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu và phải xem xét nguyện vọng của cháu; trên thực tế cháu Sơn Thị Hồng G từ khi bà Trần Thị Sà R và ông Sơn D không còn chung sống thì bà Trần Thị Sà R là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến nay, cháu Sơn Thị Hồng G hiện được bà Trần Thị Sà R nuôi dưỡng, chăm sóc tốt và tình cảm gắn bó với bà Trần Thị Sà R. Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 15/11/2024 cháu Sơn Thị Hồng G nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn cháu xin được sống với bà Trần Thị Sà R và hiện tại bà Trần Thị Sà R cũng có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cháu Sơn Thị Hồng G; nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến thể chất, tinh thần (đời sống tâm sinh lý và tình cảm) và cuộc sống bình thường của cháu, nên sau khi ly hôn tiếp tục giao cháu Sơn Thị Hồng G cho bà Trần Thị Sà R trực tiếp nuôi là hợp tình, hợp lý và có căn cứ pháp luật. Bà Trần Thị Sà R là người trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Sơn D cấp dưỡng nuôi cháu Sơn Thị Hồng G đây là sự tự nguyện của bà Trần Thị Sà R. Do vậy, theo bà Trần Thị Sà R yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Sơn Thị Hồng G đến trưởng thành (tròn 18 tuổi) và bà Trần Thị Sà R không yêu cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con điều kiện kinh tế của bà Trần Thị Sà R không đảm bảo nuôi con thì bà Trần Thị Sà R vẫn được quyền khởi kiện yêu cầu ông Sơn D cấp dưỡng nuôi con (khi cháu Sơn Thị Hồng G chưa tròn 18 tuổi) theo quy định tại Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, theo bà Trần Thị Sà R xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh và tranh chấp thì sẽ khởi kiện và giải quyết theo quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Sà R.

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý cho bà Trần Thị Sà R và ông Sơn D được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Sơn Thị Hồng G, sinh ngày 28/06/2015 cho bà Trần Thị Sà R trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Ông Sơn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông Sơn D theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Theo bà Trần Thị Sà R không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Sà R phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004701 ngày 02/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần Thị Sà R đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện W;
- THADS huyện W;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hùng Nuôi